

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành pháp luật về công tác đăng ký,
quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch
tại UBND xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010, Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 29/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tư pháp;

Xét Báo cáo số 13/BC-ĐTTr ngày 30/7/2020 của Trưởng Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 53/QĐ-STP ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Giám đốc Sở pháp về thanh tra chuyên ngành việc chấp hành pháp luật về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND các xã Bình Hải, Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi;

Giám đốc Sở Tư pháp kết luận việc chấp hành pháp luật về công tác đăng ký quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Bình Hải như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH, HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ

1. Đặc điểm, tình hình đơn vị

Bình Hải là xã bãi ngang ven biển, cách trung tâm huyện Bình Sơn 14km về phía đông. Xã có diện tích tự nhiên 1.309,82 ha, dân số 3.992 hộ, với 13.237 nhân khẩu. Xã Bình Hải có bờ biển dài khoảng 11,85km, tiếp giáp với các xã Bình Trị, Bình Phú, huyện Bình Sơn. Địa hình xã phức tạp, nhiều đồi núi, dân số phân bố không đồng đều.

Về hoạt động quản lý nhà nước đối với công tác tư pháp hộ tịch, nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của công tác này, trong năm qua, Lãnh đạo UBND xã Bình Hải đã tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc công chức tư pháp hộ tịch xã thực hiện tốt các quy định về lĩnh vực tư pháp hộ tịch. Trong đó, công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về các lĩnh vực đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch được quan tâm, thường xuyên chỉ đạo thực hiện. Hằng năm, UBND xã có kế hoạch cụ thể để tuyên truyền, phổ biến như: thông qua Đài truyền thanh của thị trấn, qua các buổi phổ biến giáo dục pháp luật, các buổi sinh hoạt, họp tổ dân phố, khu dân cư. Cụ thể, trong năm 2019, UBND xã Bình Hải đã tổ chức 02 đợt tuyên truyền đến tận cơ sở và 01 đợt tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công chức nòng cốt ở xã, thôn, với tổng cộng khoảng 1.500 lượt người tham gia. Hoạt động này đã góp phần nâng cao nhận thức pháp luật của cán bộ, công chức, Nhân dân; củng cố hiệu quả hoạt động công tác tư pháp ở địa phương. Về việc thực hiện công khai thủ tục hành chính đối với công tác tư pháp hộ tịch,

UBND xã Bình Hải đã niêm yết công khai các thủ tục hành chính về công tác đăng ký hộ tịch và chứng thực tại bộ phận một cửa của UBND xã theo đúng quy định.

Về biên chế tham mưu công tác tư pháp hộ tịch, UBND xã Bình Hải bố trí 02 công chức có trình độ chuyên môn phù hợp với tiêu chuẩn của công chức tư pháp hộ tịch cấp xã. Về cơ sở vật chất, UBND xã đã trang bị tương đối đầy đủ các điều kiện thiết yếu để đáp ứng nhu cầu công tác tư pháp hộ tịch.

2. Kết quả thực hiện

Trong thời kỳ thanh tra, UBND xã Bình Hải đã thực hiện đăng ký 782 sự kiện hộ tịch và chứng thực 455 hợp đồng, giao dịch. Cụ thể:

a) Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch

SỰ KIỆN HỘ TỊCH	Năm 2019 (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019)	Ghi chú
Đăng ký khai sinh	360	
Trong đó: - Đúng hạn	217	
- Quá hạn	28	
- Đăng ký lại	115	
Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	198	
Đăng ký kết hôn	110	
Đăng ký khai tử	114	
Trong đó: - Đúng hạn	33	
- Quá hạn	81	
- Đăng ký lại	0	
Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	0	
Đăng ký nhận cha, mẹ, con	0	
Sự kiện hộ tịch khác	0	
Tổng cộng	782	

b) Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

LOẠI HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH	Năm 2019 (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019)	Ghi chú
Chuyển nhượng	116	
Tặng cho	233	
Thế chấp	0	
Phân chia di sản thừa kế	81	
Di chúc	02	

Các loại hợp đồng, giao dịch khác	23	
Tổng cộng	455	

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

Đoàn Thanh tra đã trực tiếp kiểm tra sổ sách và xem xét ngẫu nhiên một số hồ sơ về công tác đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch UBND xã Bình Hải đã thực hiện từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019, kết quả cụ thể như sau:

1. Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch

1.1. Sổ hộ tịch

- Sổ đăng ký hộ tịch không giáp lai theo quy định tại Điều 58 Luật Hộ tịch năm 2014, khoản 2 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

- Sổ hộ tịch còn bỏ trống nhiều thông tin, vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT-BTP: *“Các cột, mục trong Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch phải được ghi đầy đủ, chính xác theo đúng hướng dẫn trong Sổ hộ tịch và Thông tư này”*. Cụ thể:

+ Sổ đăng ký khai sinh: Sổ đăng ký 95/2019, không ghi thông tin mục giấy tờ tùy thân; các số 359, 360/2019, không ghi thông tin mục nơi cư trú của cha, mẹ;

+ Sổ đăng ký kết hôn: Từ số đăng ký 56 đến 65/2019, số 67, 68, 72/2019, không ghi thông tin vợ, chồng.

- UBND xã không sử dụng Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con và Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc để đăng ký các sự kiện hộ tịch phát sinh, vi phạm quy định khoản 1 Điều 58 Luật Hộ tịch năm 2014: *“Mỗi loại việc hộ tịch phải được ghi vào 01 quyển sổ, các trang phải đóng dấu giáp lai; Sổ hộ tịch được lưu giữ vĩnh viễn theo quy định của pháp luật”* và khoản 1, khoản 2 Điều 11 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP: *“Sổ hộ tịch được lập thành 01 quyển theo từng loại việc hộ tịch được đăng ký. Cơ quan đăng ký hộ tịch sử dụng sổ hộ tịch để ghi những việc hộ tịch được đăng ký bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm”*.

- Sổ đăng ký khai sinh có 08 trường hợp sửa chữa thông tin không đúng quy định. Cụ thể: Tại các số đăng ký 66, 87, 147, 157, 277, 296, 315, 362/2019, gạch sửa thông tin, không thực hiện việc ghi chú trong Sổ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp: *“Khi đăng ký hộ tịch, nếu có sai sót trong việc ghi nội dung vào Sổ hộ tịch, công chức làm công tác hộ tịch phải gạch bỏ phần sai sót, ghi sang bên cạnh hoặc lên phía trên, không được chữa đè lên chữ cũ, không được tẩy xóa và viết đè lên chỗ đã tẩy xóa. Trường hợp có sai sót bỏ trống trang sổ thì công chức làm công tác hộ tịch phải gạch chéo vào trang bỏ trống. Cột ghi chú của Sổ hộ tịch phải ghi rõ nội dung sửa chữa sai sót; ngày, tháng, năm sửa; công chức làm*

công tác hộ tịch ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên. Công chức làm công tác hộ tịch có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch biết về việc sửa chữa sai sót. Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra, cho phép đóng dấu xác nhận vào nội dung sửa chữa sai sót. Công chức làm công tác hộ tịch không được tự ý tẩy xóa, sửa chữa, bổ sung làm sai lệch nội dung đã ghi trong Sổ hộ tịch”.

- Sổ đăng ký khai tử có 31 trường hợp không có chữ ký của người đi khai tử. Cụ thể: Các số đăng ký 01, 59, 61, 62, 63, 65, 66, 67, 73, từ số 75 đến 82, từ số 86 đến 99/2019. Các trường hợp này, vi phạm thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Hộ tịch: “*Ngay sau khi nhận giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy việc khai tử đúng thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai tử vào Sổ hộ tịch, cùng người đi khai tử ký tên vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người đi khai tử”.*

1.2. Hồ sơ hộ tịch

- Hồ sơ đăng ký khai sinh số 109/2019, chỉ có Tờ khai đăng ký khai sinh, vi phạm thủ tục đăng ký khai sinh quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Hộ tịch năm 2014: “*Người đi đăng ký khai sinh nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy chứng sinh cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp không có giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh”.*

- Hai trường hợp đăng ký lại khai sinh không đúng quy định. Cụ thể:

+ Hồ sơ đăng ký số 143/2019, nội dung Tờ khai đăng ký lại khai sinh ghi sinh năm 1968, nội dung Sổ Hộ khẩu ghi sinh năm 1968, nội dung Giấy Chứng minh nhân dân ghi sinh ngày 20/11/1970, nội dung đăng ký lại khai sinh ghi sinh ngày 20/11/1970;

+ Hồ sơ đăng ký số 08/2019, nội dung xác minh tại tàng thư Công an huyện ghi Trương Thị Có, sinh năm 1936; nội dung Giấy Chứng minh nhân dân cấp năm 1979 ghi Trương Thị Có, sinh năm 1930; nội dung Giấy căn cước (cấp năm 1970) ghi Phạm Thị Có, sinh ngày 20/8/1930, cha Phạm Sơ, mẹ Tu Thị Linh; nội dung đăng ký lại khai sinh ghi Trương Thị Có, sinh ngày 20/8/1930, cha Trương Sơ, mẹ Tu Thị Linh.

Theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP: “*Trường hợp người yêu cầu có bản sao Giấy khai sinh trước đây được cấp hợp lệ thì nội dung đăng ký khai sinh được ghi theo nội dung bản sao Giấy khai sinh; phần khai về cha, mẹ được ghi theo thời điểm đăng ký lại khai sinh. Trường hợp người yêu cầu không có bản sao Giấy khai sinh nhưng hồ sơ, giấy tờ cá nhân có sự thống nhất về nội dung khai sinh thì đăng ký lại theo nội dung đó. Nếu hồ sơ, giấy tờ không thống nhất về nội dung khai sinh thì nội dung khai sinh được xác định theo hồ sơ, giấy tờ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chính thức hợp lệ đầu tiên”.*

- Ba trường hợp đăng ký lại khai sinh vi phạm thủ tục đăng ký. Cụ thể: Hồ sơ số 73/2019 chỉ có Giấy Chứng minh nhân dân; hồ sơ các số 07, 95/2019 chỉ có Sổ Hộ khẩu.

Theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 15/2015/TT-BTP: “Người yêu cầu đăng ký lại khai sinh phải nộp bản sao Giấy khai sinh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (bản sao được công chứng, chứng thực hợp lệ, bản sao được cấp từ Sổ đăng ký khai sinh) hoặc bản chính hoặc bản sao giấy tờ có giá trị thay thế Giấy khai sinh được cấp trước năm 1945 ở miền Bắc và trước năm 1975 ở miền Nam. Trong trường hợp không có các loại giấy tờ trên thì nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ như: Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, giấy tờ chứng minh về nơi cư trú; Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, Hồ sơ học tập do cơ quan đào tạo, quản lý giáo dục có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận; Giấy tờ khác có thông tin về họ, chữ đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân; Giấy tờ chứng minh quan hệ cha con, mẹ con (nếu có) và phải cam đoan đã nộp đủ các giấy tờ mình có”.

- Hồ sơ đăng ký nhận cha con số 01/2019, con đã được đăng ký khai sinh, Giấy khai sinh chỉ có thông tin người mẹ. Sau đó, người mẹ đăng ký kết hôn, trên cơ sở yêu cầu của người chồng, UBND xã thực hiện thủ tục đăng ký việc nhận cha con, hồ sơ không có văn bản thừa nhận con chung. Việc thực hiện này không đúng thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư 15/2015/TT-BTP: “Trường hợp con do người vợ sinh ra trước thời điểm đăng ký kết hôn, đã được đăng ký khai sinh không có thông tin về người cha, vợ chồng có văn bản thừa nhận là con chung thì không phải làm thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con mà làm thủ tục bổ sung hộ tịch để ghi bổ sung thông tin về người cha trong Sổ đăng ký khai sinh và Giấy khai sinh của người con”.

- Hồ sơ đăng ký lại kết hôn số 71/2019, không có giấy tờ, tài liệu làm căn cứ đăng ký kết hôn, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP: “Hồ sơ đăng ký lại kết hôn gồm: Tờ khai theo mẫu quy định; bản sao Giấy chứng nhận kết hôn được cấp trước đây. Nếu không có bản sao Giấy chứng nhận kết hôn thì nộp bản sao hồ sơ, giấy tờ cá nhân có các thông tin liên quan đến nội dung đăng ký kết hôn”.

2. Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

2.1. Hồ sơ, sổ sách

- Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch không đóng dấu giáp lai, không khóa sổ, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch: “Sổ chứng thực dùng để theo dõi, quản lý các việc đã chứng thực tại cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực. Sổ chứng thực được viết liên tiếp theo thứ tự từng trang không được bỏ trống, phải đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối sổ và thực hiện theo từng năm. Khi hết năm phải thực hiện khóa sổ và thống kê tổng số việc chứng thực đã thực hiện trong năm; người ký chứng thực xác nhận, ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu”.

- Thông tin về quyền số ghi ở bìa sổ chứng thực và thông tin về quyền số ở phần số chứng thực ghi ở trang lời chứng không thống nhất. Bìa sổ chứng thực, UBND xã ghi quyền số 01/2018 nhưng tại trang lời chứng lại ghi quyền số 01/2019. Theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: “Sổ

chứng thực là số thứ tự ghi trong sổ chứng thực, kèm theo quyền số, năm thực hiện chứng thực và ký hiệu loại việc chứng thực. Số thứ tự trong sổ chứng thực phải ghi liên tục từ số 01 cho đến hết năm, trường hợp chưa hết năm mà sử dụng sang số khác thì phải lấy số thứ tự tiếp theo của sổ trước, không được ghi từ số 01. Đối với sổ được sử dụng tiếp cho năm sau thì trường hợp chứng thực đầu tiên của năm sau sẽ ghi bắt đầu từ số 01, không được lấy tiếp số thứ tự cuối cùng của năm trước. Số ghi trong văn bản chứng thực là số tương ứng với số chứng thực đã ghi trong sổ chứng thực”. Cụ thể, về cách ghi quyền số ở bìa Sổ chứng thực, theo hướng dẫn tại Phụ lục mẫu Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch được ban hành theo điểm d khoản 4 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: Thông tin về quyền số phải ghi số quyền, năm thực hiện chứng thực (ví dụ: 01/2019); nếu một năm dùng nhiều sổ thì ghi số thứ tự liên tiếp (ví dụ: 02/2019); trường hợp một sổ sử dụng cho nhiều năm thì ghi số thứ tự theo từng năm (ví dụ: 01/2018 + 01/2019 + 01/2020).

Vì thông tin về quyền số ghi ở bìa sổ chứng thực và ở phần số chứng thực tại trang lời chứng không thống nhất nên trong Kết luận này, khi dẫn chứng các trường hợp chứng thực cụ thể, Sở không nêu quyền số mà chỉ nêu số chứng thực và năm thực hiện chứng thực.

- Hồ sơ chứng thực số 385, chứng thực ngày 29/10/2019, chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông Lê Văn Đức và bà Võ Ngọc Anh, hồ sơ không có Giấy chứng minh nhân dân của Võ Ngọc Anh; vi phạm thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: *“Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây:*

a) Dự thảo hợp đồng, giao dịch;

b) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực;

c) Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó; trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng”. Hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch phải được lưu trữ trong thời hạn 20 năm theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Một số trường hợp hồ sơ thiếu các giấy tờ có liên quan đến nội dung chứng thực hợp đồng, giao dịch. Cụ thể:

+ Một số trường hợp, UBND xã chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nhưng hồ sơ không có giấy tờ chứng minh quyền thừa kế của những người thừa kế. Cụ thể: số chứng thực 427, chứng thực ngày 12/12/2019, văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của Bùi Đên, Bùi Được; số chứng thực 400, chứng thực ngày 13/11/2019, văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của Hồ Thị Xự, Nguyễn Văn Lâm, Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Đình Khang.

+ Những trường hợp thông tin trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện mục đích sử dụng đất là đất trồng lúa nhưng hồ sơ chứng thực không thể hiện bên nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Cụ thể: số chứng thực 46, ngày 30/12/2019, chứng thực hợp đồng giữa bên tặng cho là hộ ông Nguyễn Mạnh, bà Nguyễn Thị Trọ và bên nhận tặng cho là Nguyễn Lành, Trương Thị Thu Hà; số chứng thực 92, ngày 19/3/2019, chứng thực hợp đồng giữa bên tặng cho là ông Nguyễn Văn Vinh, Võ Thị Thùy, Nguyễn Chí Thạch, Nguyễn Chí Nền và bên nhận tặng cho là Nguyễn Chí Sự; số chứng thực 429, ngày 12/12/2019, chứng thực hợp đồng giữa bên tặng cho là Phạm Thị Mai và bên nhận tặng cho là Bùi Công Thành. Theo Điều 191 Luật Đất đai năm 2013, hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp không được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa.

2.2. Nội dung, hình thức hợp đồng, giao dịch

- Nhiều trường hợp hợp đồng chứng thực không đánh số thứ tự từng trang hợp đồng. Cụ thể: Các số 427, 433, 434, 440, 441, 442, 443, 445, 446 chứng thực năm 2019, không đánh số thứ tự từng trang hợp đồng. Theo quy định về thủ tục chứng thực tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: *“Đối với hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của hợp đồng, giao dịch. Trường hợp hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai”*.

- Hồ sơ chứng thực số 445, chứng thực ngày 30/12/2019, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 20/11/2019 (thời hạn sử dụng đất là ngày 01/7/2064); hồ sơ lưu Sổ hộ khẩu hộ gia đình ông Nguyễn Mạnh thể hiện hộ ông Nguyễn Mạnh còn có Nguyễn Phú Ánh sinh ngày 20/12/1962, mối quan hệ với chủ hộ được ghi là “con”, thông tin mục “chuyên đến ngày” ghi ngày 26/7/2005; tuy nhiên, hợp đồng chứng thực không có chữ ký của Nguyễn Phú Ánh. Theo quy định tại khoản 2 Điều 212 Bộ luật Dân sự năm 2015: *“Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung của các thành viên gia đình được thực hiện theo phương thức thỏa thuận. Trường hợp định đoạt tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký, tài sản là nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình phải có sự thỏa thuận của tất cả các thành viên gia đình là người thành niên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ trường hợp luật có quy định khác”*.

III. NHẬN XÉT, KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

Việc thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Bình Hải trong thời gian qua đã có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hộ tịch và chứng thực được Lãnh đạo UBND xã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc; bộ thủ tục hành chính về hộ tịch và chứng thực được niêm yết công khai tại Trụ sở UBND xã; chưa phát sinh trường hợp đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến công tác hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

2. Những tồn tại, sai sót

Việc thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch tại UBND xã Bình Hải, tuy đã đạt được một số mặt tích cực nhưng trong quá trình thực hiện vẫn còn vi phạm một số quy định của pháp luật chuyên ngành. Cụ thể:

2.1. Về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch

- Sổ hộ tịch không giáp lai, vi phạm Điều 58 Luật Hộ tịch năm 2014 và khoản 2 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT-BTP; không ghi đầy đủ thông tin các mục trong Sổ theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT-BTP; một số trường hợp việc sửa chữa thông tin trong Sổ đăng ký khai sinh không đúng quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 15/2015/TT-BTP; Sổ đăng ký khai tử còn nhiều trường hợp không có chữ ký của người đi khai tử, vi phạm thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Hộ tịch năm 2014.

- UBND xã không sử dụng Sổ đăng ký nhận cha mẹ con và Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc, vi phạm quy định khoản 1 Điều 58 Luật Hộ tịch năm 2014 và khoản 1, khoản 2 Điều 11 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

- Hồ sơ đăng ký khai sinh có trường hợp chỉ có Tờ khai đăng ký khai sinh, vi phạm thủ tục đăng ký khai sinh tại khoản 1 Điều 16 Luật Hộ tịch năm 2014.

- Hồ sơ đăng ký lại khai sinh, còn một số trường hợp chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và Điều 9 Thông tư số 15/2015/TT-BTP.

- UBND xã thực hiện đăng ký việc nhận cha mẹ con, hồ sơ không có văn bản thừa nhận con chung, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư 15/2015/TT-BTP.

- Hồ sơ đăng ký lại kết hôn, không có giấy tờ, tài liệu làm căn cứ đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

2.2. Về công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch không đóng dấu giáp lai, không khóa sổ, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Thông tin về quyển số ở bìa sổ chứng thực và thông tin về quyển số ở trang lời chứng ghi chưa đúng theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 13 và và điểm d khoản 4 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Hồ sơ chứng thực, có trường hợp không có Giấy chứng minh nhân dân của người yêu cầu chứng thực; vi phạm thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Còn trường hợp hợp đồng chứng thực đối với quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình nhưng hợp đồng không có đầy đủ chữ ký của các thành viên trong hộ gia đình, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 212 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan

Trong quá trình thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch, Chủ tịch UBND xã Bình Hải là người có thẩm

quyền ký các giấy tờ và chịu trách nhiệm trong việc thực thi mảng công tác này nhưng chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở nên chưa kịp thời phát hiện những sai sót, để có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục. Đồng thời, công chức tư pháp - hộ tịch, chưa nghiên cứu kỹ các quy định pháp luật về hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch nên hồ sơ, sổ sách về các công tác này còn thiếu các giấy tờ, thủ tục theo quy định của pháp luật.

IV. KIẾN NGHỊ

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010 và các văn bản có liên quan, trên cơ sở kết quả thanh tra, xét tính chất và mức độ các sai phạm; Giám đốc Sở Tư pháp kết luận một số nội dung sau:

1. UBND xã Bình Hải

1.1. Đề nghị Chủ tịch UBND xã Bình Hải phát huy những kết quả đạt được trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch; tích cực, chủ động đối với công tác tư pháp – hộ tịch; thường xuyên kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện công tác này.

Công chức tư pháp – hộ tịch xã thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành về lĩnh vực công tác được phân công. Thực hiện tốt từ khâu tiếp nhận, hướng dẫn công dân thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục pháp luật; từ đó, tham mưu tốt hơn cho Lãnh đạo UBND xã trong hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực tư pháp – hộ tịch.

1.2. Đề nghị Chủ tịch UBND xã chỉ đạo công chức tư pháp hộ tịch tham mưu khắc phục những tồn tại, sai sót. Cụ thể:

- Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch:

+ UBND xã Bình Hải phải sử dụng mẫu Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con và Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc được ban hành theo Danh mục quy định tại điểm d khoản 1 Điều 27 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 29/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hộ tịch. Mẫu Sổ này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp (tại địa chỉ: www.moj.gov.vn), UBND xã Bình Hải truy cập, in để sử dụng.

+ Thực hiện đóng dấu giáp lai Sổ hộ tịch; bổ sung thông tin vào các trường hợp còn thiếu thông tin trong Sổ (*Sổ đăng ký khai sinh: số 95/2019, các số 359, 360/2019; Sổ đăng ký kết hôn: từ số 56 đến 65/2019, số 67, 68, 72/2019*).

+ Bổ sung chữ ký vào các trường hợp còn thiếu chữ ký trong Sổ đăng ký khai tử (*các số 01, 59, 61, 62, 63, 65, 66, 67, 73, từ số 75 đến 82, từ số 86 đến 99/2019*).

+ Bổ sung hồ sơ đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, đăng ký nhận cha, mẹ con, đăng ký lại kết hôn theo đúng quy định (*đăng ký khai sinh số 109/2019; đăng ký lại khai sinh các số 07, 08, 73, 95, 143/2019; đăng ký nhận cha con số 01/2019; đăng ký lại kết hôn số 71/2019*).

- Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch:

+ Thực hiện đóng dấu giáp lai, khóa Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch. Thông tin về quyền số ở bìa sổ chứng thực và thông tin về quyền số ở trang lời chứng ghi theo đúng hướng dẫn tại khoản 2 Điều 13 và điểm d khoản 4 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

+Bổ sung Giấy chứng minh nhân dân của người yêu cầu chứng thực vào hồ sơ chứng thực số 385, chứng thực ngày 29/10/2019.

+ Thực hiện việc đánh số thứ tự từng trang hợp đồng theo đúng quy định.

+ Đối với những trường hợp chứng thực quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình, hợp đồng phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên trong hộ gia đình theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Từ ngày 20/4/2020, mẫu lời chứng đối với chứng thực hợp đồng, giao dịch được thực hiện theo mẫu lời chứng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

1.3. Về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch: Để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực đăng ký và quản lý hộ tịch ở địa phương, Lãnh đạo UBND và công chức tư pháp hộ tịch xã Bình Hải cần nghiên cứu, nắm vững các quy định của Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Thông tư số 01/2020/TT-BTP và các văn bản khác có liên quan để giải quyết các yêu cầu của công dân được nhanh chóng, chính xác, đúng quy định của pháp luật.

1.4. Về công tác chứng thực:

- Theo hướng dẫn của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực - Bộ Tư pháp tại Công văn số 842/HTQTCT-CT ngày 26/5/2016 về việc quán triệt thực hiện một số quy định về chứng thực: Theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, người yêu cầu chứng thực phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch; người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch. Quy định như vậy không có nghĩa là người thực hiện chứng thực không phải chịu trách nhiệm gì đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội mà với trách nhiệm của một cán bộ, công chức bắt buộc phải biết để từ chối chứng thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi của người dân và bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật, khi chứng thực hợp đồng giao dịch, Chủ tịch UBND xã Bình Hải phải xem xét đến nội dung của hợp đồng, giao dịch, đặc biệt đối với hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất. Với trách nhiệm là cơ quan quản lý đất đai ở địa phương, Chủ tịch UBND xã cần kiểm tra, xác minh để bảo đảm tính hợp pháp của thửa đất là đối tượng của hợp đồng, giao dịch.

- Khi thực hiện chứng thực hợp đồng giao dịch, tùy vào đối tượng tài sản của hợp đồng, giao dịch, ngoài việc tuân thủ các quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư số 01/2020/TT-BTP; các bên tham gia giao dịch và

cơ quan có thẩm quyền chứng thực cần phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Đất đai năm 2013, Luật Nhà ở năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- UBND xã Bình Hải có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến để người yêu cầu chứng thực nhận thức rõ trách nhiệm đối với nội dung của hợp đồng, giao dịch và hệ quả pháp lý của việc chứng thực hợp đồng, giao dịch. Trường hợp UBND xã phát hiện tài sản là đối tượng của hợp đồng, giao dịch là tài sản bất hợp pháp hoặc đang có tranh chấp, đã hoặc đang là đối tượng của hợp đồng, giao dịch khác thì cơ quan thực hiện chứng thực lập biên bản vi phạm, giữ lại hồ sơ để đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật theo Điều 21 Thông tư số 01/2020/TT-BTP.

2. Phòng Tư pháp huyện Bình Sơn

Đề nghị Phòng Tư pháp huyện Bình Sơn tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức tư pháp hộ tịch cấp xã; có biện pháp, hình thức tuyên truyền rộng rãi, đạt hiệu quả hơn cho Nhân dân trên địa bàn huyện, nhằm nâng cao ý thức chấp hành các quy định pháp luật của người dân, góp phần nâng cao chất lượng công tác tư pháp địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Yêu cầu UBND xã Bình Hải tổ chức niêm yết công khai Kết luận thanh tra này tại trụ sở làm việc của UBND xã trong 15 ngày liên tục theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Trong thời hạn 30 ngày, kết quả thực hiện Kết luận thanh tra phải báo cáo về Sở Tư pháp (qua Thanh tra Sở) để theo dõi, kiểm tra, đôn đốc theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ.

2. Giao Chánh Thanh tra Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và báo cáo Giám đốc Sở theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND xã Bình Hải;
- Phòng Tư pháp huyện Bình Sơn;
- Thanh tra Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- Thanh tra tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Công TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, TTr (nttr).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Tập